



Thứ hai, ngày 9 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Thị trường giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/4/2018		•	
Tuần 9/4-13/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Các chỉ số tiếp tục diễn biến giằng co, chủ yếu do các cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa mạnh.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm CTG (+2.74 điểm); VIC (+2.43 điểm); HDB (+0.81 điểm); VRE (+0.7 điểm); VPB (+0.66 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm ROS (-1.6 điểm); NVL (-0.82 điểm); SAB (-0.52 điểm); BVH (-0.50 điểm); PNJ (-0.36 điểm)
- Xu hướng dòng tiền vẫn tiếp tục chảy vào các cổ phiếu Tài chính, một số cổ phiếu Bất động sản và lan tỏa ra nhóm các cổ phiếu vừa và nhỏ.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 6,961.3 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 10.01 điểm. Thị trường có 130 mã tăng và 167 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 4.37 điểm, đóng cửa tại 1,204.33 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 0.23 điểm xuống 137.79 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 288.43 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HDB (+117 tỷ); VRE (+116.9 tỷ); SSI (+112.9 tỷ). Bên cạnh đó, họ mua ròng 5.52 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Mở cửa phiên giao dịch đầu tuần, chỉ số VN-Index tiếp tục diễn biến giằng co quanh ngưỡng 1,200 điểm. Dù có những lúc lực bán tăng cao khiến cho chỉ số giảm xuống dưới mốc tham chiếu nhưng dòng tiền từ nhà đầu tư đã nhanh chóng hỗ trợ chỉ số thị trường. Bên cạnh đó, dòng tiền cũng đang có xu hướng chảy vào nhóm ngành Ngân hàng và một số mã cổ phiếu Bất động sản. Trong phiên giao dịch hôm nay, các cổ phiếu thuộc nhóm Tài chính tăng mạnh giúp thị trường tạm vượt qua ngưỡng kháng cự 1,200 điểm, tuy nhiên, nhóm Dầu khí và Thủy sản lại đang chịu sức ép khá lớn và giảm điểm mạnh. BSC nhận định các chỉ số đang dần tích lũy lại chờ đợi những thông tin từ mùa ĐHĐCĐ cũng như những diễn biến tiếp theo từ chiến tranh thương mại Mỹ -Trung. Dù vậy, các chỉ số đang cho thấy sự tăng điểm khá vững chắc, nhà đầu tư có thể cân nhắc việc đầu tư ngắn hạn trong thời điểm này.

Phân tích kỹ thuật: CTG_Cơ hội lướt sóng

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1204.33**

Giá trị: 6961.24 tỷ **4.37 (0.36%)**

Khối ngoại (ròng): 288.43 tỷ

HNX-INDEX **137.79**

Giá trị: 1188.33 tỷ **-0.23 (-0.17%)**

Khối ngoại (ròng): 5.52 tỷ

UPCOM-INDEX **60.45**

Giá trị: 471.1 tỷ **-0.19 (-0.31%)**

Khối ngoại(ròng): 1.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	62.3	0.40%
Giá vàng	1,330	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	22,798	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,916	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,275	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	-
LS TPCP 5 năm	3.3%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	117.00	SBT	73.90
VRE	116.90	VJC	55.60
SSI	86.00	VCB	47.20
VNM	26.60	NVL	21.90
HPG	25.90	BID	18.60

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

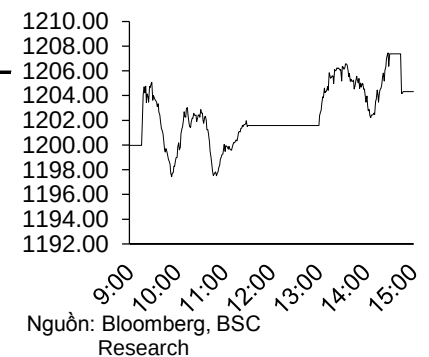
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
CTG	20.7	37.7	34	37	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CII	1.1	33.4	29	37	MUA	Tăng giá ngắn hạn
MSN	7.6	107.0	80	118	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VRE	9.3	53.5	49	58	MUA	Tăng giá trung hạn
ROS	9.2	122.8	126	145	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
AAA	1.5	21.3	23	28	MUA	Giảm giá kéo dài
PNJ	6.3	185.0	139	208	MUA	Tăng giá kéo dài
PLX	2.8	83.4	80	89	MUA	Giảm giá trung hạn
HPG	12.0	60.8	60	64	MUA	Giảm giá ngắn hạn
HQC	0.5	2.3	2	2	MUA	Tăng giá ngắn hạn

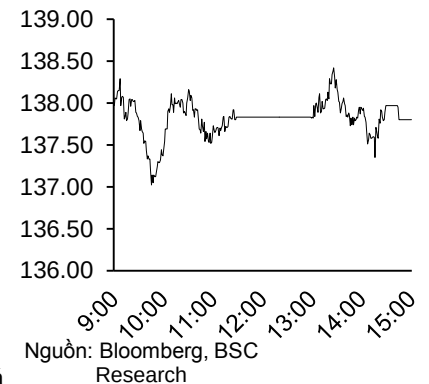
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: CTG_Cơ hội lướt sóng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá trung hạn và ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm với nền giá
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận vùng quá mua

Nhận định: CTG đã hoàn thành quá trình tích lũy ngắn hạn sau 2 tháng quanh vùng giá 36. Phiên giao dịch hôm nay chứng kiến CTG breakout đỉnh cũ 37.35 với thanh khoản tăng mạnh. Đây là tín hiệu rất tốt sau giai đoạn tích lũy của CTG với nền giá phân kỳ đường khối lượng giao dịch. CTG sẽ tiếp tục sóng 5 Elliott mở rộng với ngưỡng kháng cự mới tại vùng Fibonacci 161.8%.

Khuyến nghị: Nắm giữ CTG với giá mục tiêu là ngưỡng kháng cự tiếp theo tại 41.9

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1178.3	0.7%	-21.2%
VN30F1805	1185.1	0.4%	37.9%
VN30F1806	1190.0	0.4%	62.5%
VN30F1809	1203.5	0.2%	-29.0%

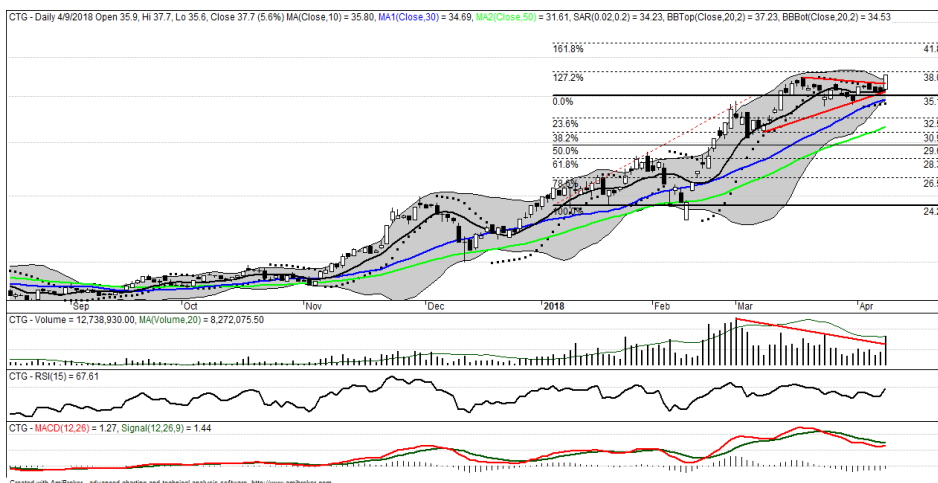
Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	135	1.9	3.0
SSI	44	5.7	1.6
CTG	38	5.6	1.5
STB	16	1.9	1.0
HPG	61	0.7	0.7

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	123	-7.0	-2.2
NVL	73	-4.4	-1.7
NT2	32	-3.6	-0.2
DHG	110	-2.1	-0.2
CTD	152	-1.9	-0.2



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	DXG	19/3/2018	38.40	39.80	3.6%	36.0	43.0
2	KDH	04/04/2018	39.10	39.80	1.8%	37.0	43.0
3	GTN	05/04/2018	11.60	11.80	1.7%	10.9	14.0
4	TDH	05/04/2018	16.40	16.35	-0.3%	15.5	18.0
Trung bình					1.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	36.80	166.7%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	60.80	138.7%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	92.00	119.6%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	43.30	15.9%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	39.75	8.2%	30.0	50.0
Trung bình					89.8%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.9	88.3%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	36.7	23.6%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	51.1	23.1%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	83.4	0.5%	75.0	114.0
5	VGC	06/04/2018	25.2	25.2	0.0%	23.2	32.5
Trung bình					27.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	103.4	-1.8%	0.6	1,471	1.4	7,166	14.4	5.5	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	185.0	-4.6%	0.8	881	6.3	6,727	27.5	6.8	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	105.5	-1.9%	1.5	3,163	2.0	2,246	47.0	5.1	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	39.3	0.8%	0.6	397	0.5	2,114	18.6	1.3	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	134.9	1.9%	1.3	15,675	19.0	2,373	56.9	10.6	10.7%	15.8%
VRE	Bất động sản	53.5	1.9%	1.2	4,481	9.3	1,061	50.4	3.9	32.7%	9.0%
NVL	Bất động sản	73.1	-4.4%	0.5	2,753	6.3	2,534	28.8	4.8	4.2%	18.7%
REE	Bất động sản	39.4	-0.3%	1.0	537	1.3	4,442	8.9	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	39.8	1.5%	1.1	531	7.8	2,494	16.0	3.2	42.0%	21.3%
SSI	Chứng khoán	44.3	5.7%	1.3	975	17.4	2,371	18.7	2.6	53.1%	14.2%
VCI	Chứng khoán	116.0	-1.7%	0.7	613	0.3	5,790	20.0	4.6	39.5%	30.5%
HCM	Chứng khoán	92.0	3.4%	1.0	525	2.6	4,280	21.5	4.3	58.6%	21.4%
FPT	Công nghệ	63.4	1.1%	0.9	1,490	4.2	5,532	11.5	2.9	48.8%	28.0%
FOX	Công nghệ	79.9	-1.1%	0.2	531	0.1	5,180	15.4	4.0	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	129.8	0.0%	1.6	10,944	2.4	4,991	26.0	6.0	3.5%	24.0%
PLX	Dầu khí	83.4	0.5%	1.4	4,257	2.8	3,012	27.7	4.7	12.1%	17.2%
PVS	Dầu khí	20.2	-2.4%	1.8	398	2.9	1,792	11.3	0.8	16.6%	7.6%
PVD	Dầu khí	18.3	-0.5%	1.7	309	0.7	0	395.6	0.5	24.7%	0.2%
DHG	Dược	110.0	-2.0%	0.4	634	2.3	4,367	25.2	5.2	46.0%	20.5%
TRA	Dược	98.0	-0.2%	0.0	179	0.1	5,811	16.9	3.9	48.7%	24.6%
DPM	Hóa chất	21.3	0.2%	0.9	367	0.5	1,532	13.9	1.1	22.5%	8.7%
DCM	Hóa chất	13.2	0.4%	0.5	307	0.6	1,075	12.2	1.1	3.8%	9.5%
VCB	Ngân hàng	73.8	0.4%	1.5	11,697	8.8	2,527	29.2	5.1	20.6%	18.1%
BID	Ngân hàng	44.4	0.9%	1.3	6,687	5.3	1,738	25.5	3.3	2.7%	13.4%
CTG	Ngân hàng	37.7	5.6%	1.5	6,184	20.7	1,996	18.9	2.2	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	69.3	1.8%	0.7	4,571	11.0	4,564	15.2	3.5	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	36.8	0.5%	1.0	2,943	12.8	1,955	18.8	2.4	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	51.1	0.4%	0.9	2,441	7.8	1,953	26.2	3.5	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	70.9	0.0%	0.9	256	0.6	5,676	12.5	2.4	71.4%	19.6%
NTP	Nhựa	62.0	0.0%	0.4	244	0.1	5,519	11.2	2.7	23.1%	25.1%
MSR	Tài nguyên	29.3	-3.9%	1.5	929	0.3	286	102.4	1.8	2.1%	1.0%
HPG	Thép	60.8	0.7%	0.8	4,063	12.0	5,540	11.0	2.9	39.6%	30.8%
HSG	Thép	22.8	1.8%	0.9	351	2.3	3,523	6.5	1.6	26.0%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	197.8	-0.2%	0.7	12,646	6.1	6,356	31.1	12.3	59.4%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	225.0	-1.0%	0.9	6,356	0.4	7,350	30.6	10.5	9.6%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	107.0	0.2%	1.0	4,937	7.6	2,877	37.2	7.6	32.5%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	18.1	0.0%	1.1	443	4.4	1,245	14.5	1.4	9.2%	7.6%
ACV	Vận tải	96.0	2.1%	0.8	9,207	0.4	2,208	43.5	8.6	3.5%	21.8%
VJC	Vận tải	218.0	0.0%	0.8	4,334	11.3	6,233	35.0	20.2	26.3%	68.7%
HAV	Vận tải	47.7	-1.9%	1.8	2,579	1.7	1,931	24.7	3.5	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	30.4	-0.2%	0.8	385	0.7	1,946	15.6	1.4	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.9	-0.9%	1.0	259	0.7	1,599	13.1	1.6	33.6%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	127.6	-7.5%	0.8	899	2.6	6,830	18.7	8.5	2.6%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	25.2	0.0%	1.0	498	2.1	1,779	14.2	1.8	34.5%	12.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	-1.4%	0.7	244	0.1	1,277	11.4	1.1	6.5%	9.4%
CTD	Xây dựng	152.1	-1.9%	0.2	525	1.5	20,436	7.4	1.6	42.8%	23.2%
VCG	Xây dựng	23.5	-4.1%	1.6	457	3.0	3,037	7.7	1.6	9.5%	21.5%
CII	Xây dựng	33.4	-0.6%	0.6	362	1.1	6,032	5.5	1.7	67.3%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	37.70	5.60	2.74	12.74MLN
VIC	134.90	1.89	2.43	3.21MLN
HDB	48.70	4.84	0.81	7.77MLN
VRE	53.50	1.90	0.70	3.92MLN
VPB	69.30	1.76	0.66	3.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	122.80	-6.97	-1.60	1.67MLN
NVL	73.10	-4.44	-0.82	1.90MLN
SAB	225.00	-0.97	-0.52	43750.00
BVH	105.50	-1.86	-0.50	432470.00
PNJ	185.00	-4.64	-0.36	758510.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	35.40	6.95	0.01	410.00
VFG	49.30	6.94	0.03	143470.00
RIC	6.04	6.90	0.00	550.00
NVT	5.12	6.89	0.01	128780.00
HOT	56.10	6.86	0.01	3250.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGM	8.79	-6.98	0.00	10
ROS	122.80	-6.97	-1.60	1.67MLN
CMT	9.03	-6.91	0.00	2440
HVX	3.91	-6.90	0.00	200
LAF	8.94	-6.88	0.00	30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	13.50	1.50	0.22	29.29MLN
ACB	51.10	0.39	0.17	3.54MLN
CEO	16.00	3.23	0.05	3.33MLN
MBS	22.60	5.12	0.04	1.37MLN
NDN	20.60	4.57	0.03	596602

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	127.60	-7.54	-0.23	444139
PVS	20.20	-2.42	-0.12	3.31MLN
VCG	23.50	-4.08	-0.12	2.94MLN
INN	64.10	-9.59	-0.06	30472
SHS	23.40	-2.50	-0.06	3.27MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

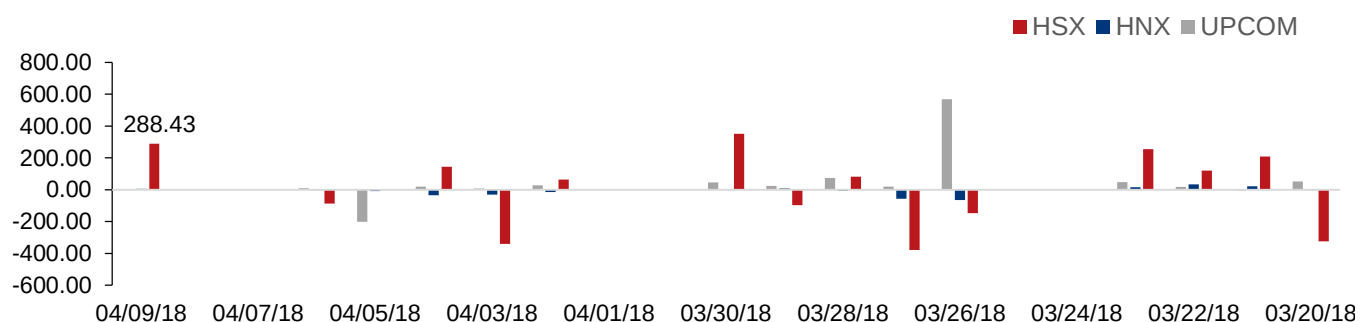
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NGC	13.20	10.00	0.00	100
TTZ	5.50	10.00	0.00	20000
TV4	22.10	9.95	0.01	99741
VNT	22.20	9.90	0.01	1000
CLH	14.50	9.85	0.01	50000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
V21	17.60	-9.74	-0.02	100
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.6	530	27.5	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	31.8	2,762	11.5	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.8	669	22.1	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.5	749	46.1	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	51.1	1,953	26.2	3.5	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.3	4,735	8.3	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	25.8	824	31.3	2.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.9	1,599	13.1	1.6	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	60.8	5,540	11.0	2.9	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	39.8	2,494	16.0	3.2	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	14.0	2,801	5.0	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	40.4	5,435	7.4	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	63.4	5,532	11.5	2.9	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	73.8	2,527	29.2	5.1	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.2	1,792	11.3	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	36.8	1,955	18.8	2.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	152.1	20,436	7.4	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.1	164	37.0	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	133.6	18,611	7.2	2.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	185.0	6,727	27.5	6.8	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

